TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 11/9/2025
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sao Hôm và ông Nguyễn Văn Đoàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc K đòi tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-ST ngày 25/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1983. CCCD số 030083017371 và bà Nguyễn Thu H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1995. CCCD số 031195005716. Đều có địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Bà Nguyễn Thu H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1995. CCCD số 031195005716. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1981. CCCD số 030081003346. Nơi cư trú: Đ, thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn B, xã A, thành phố Hải Phòng).

Bà H có đơn xin vắng mặt, ông V vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N trình bày: Tháng 02/2023, vợ chồng ông bà có bán cho anh V nhiều lần vật liệu xây dựng do anh V đứng ra mua giúp một số hộ dân và cam kết anh V là người đứng ra trả tiền vật liệu cho vợ chồng ông bà. Anh V đã trả được một số lần tiền nhưng sau đó anh V không trả nữa, vợ

chồng ông bà đã đòi nhiều lần nhưng anh V không trả. Ngày 12/3/2023, bà H và anh V đã lập biên bản xác nhận nợ, hai bên thỏa thuận trong thời gian 3 tháng kể từ ngày 13/3/2023 đến ngày 13/6/2023, anh V trả nợ gốc là 84.122.000 đồng và lãi 12%/năm kể từ ngày 13/3/2023. Ông N bà H yêu cầu ông V trả nợ gốc là 84.122.000 đồng, lãi từ ngày 13/3 đến ngày 13/6/2023 là 2.523.000 đồng; ông V còn phải trả lãi 12%/năm theo thỏa thuận kể từ ngày 14/6/2025 đến khi trả hết nợ gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2025, bị đơn ông V trình bầy: Ông V xác định ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án; ông xác định có nợ anh N chị H khoảng 80.000.000 đồng, cụ thể số tiền bao nhiêu ông không nhớ chính xác; ông V xác định sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông N bà H nhưng ông sẽ trả dần, nên ông không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà H xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ông V trả vợ chồng ông nợ gốc là 84.122.000 đồng, lãi từ ngày 13/3 đến ngày 13/6/2023 là 2.523.000 đồng; ông V còn phải trả lãi 12%/năm theo thỏa thuận kể từ ngày 14/6/2025 đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả bà H, ông N 84.122.000 đồng tiền nợ gốc và 2.523.000 đồng tiền lãi; ông V còn phải chịu lãi 12%/năm kể từ ngày 14/6/2023 trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về án phí: Ông V phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng có đủ cơ sở xác định:

[1] Ngày 23/10/2024, Tòa án nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N, khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả số tiền ông V mua vật liệu xây dựng còn nợ 84.122.000 đồng cùng lãi theo thỏa thuận từ ngày 12/3/2023, là trong hạn luật định; bị đơn ông V có cư trú tại thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng), căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà H, ông N yêu Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương buộc bị đơn ông V phải trả 84.122.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và lãi theo thỏa thuận, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện đòi tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai của ông V xác định ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án; ông xác định có nợ anh N chị H khoảng 80.000.000 đồng, cụ thể số tiền bao nhiêu ông không nhớ chính xác; ông V cũng xác định sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông N bà H nhưng ông sẽ trả dần, nên ông không đến Tòa án làm việc. Lời khai của ông V phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ được ký ngày 12/3/2023 của ông Nguyễn Văn V, số tiền nợ ghi tại Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ được ký ngày 12/3/2023 là 86.645.660 đồng, trong đó 84.122.000 đồng tiền nợ gốc và 2.523.000 đồng tiền lãi (lãi thỏa thuận 12%/năm, kể từ ngày 13/3/2023).

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định: Bị đơn ông Nguyễn Văn V hiện còn nợ vợ chồng ông N, bà H 86.645.660 đồng, trong đó 84.122.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 13/3/2023 đến ngày 13/6/2023 là 2.523.000 đồng. Vì vậy cần buộc bị đơn ông V có nghĩa vụ trả bà H và ông N 86.645.660 đồng; ông V còn phải tiếp tục trả ông N, bà H tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận 12%/năm kể từ ngày 14/6/2023 trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Ông V bị buộc phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự.

Yêu cầu của bà H, ông N được chấp nhận nên bà H, ông N không phải chịu án phí dân sự, trả lại ông N, bà H tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả vợ chồng bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N 86.645.660 đồng, trong đó 84.122.000 đồng tiền nợ gốc và 2.523.000 đồng tiền lãi.

Ông Nguyễn V1 còn phải tiếp tục trả ông N, bà H tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận 12%/năm, kể từ ngày 14/6/2023 trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 4.332.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Văn N 2.100.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0006430 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 10-Hải phòng;*
- *THA dân sự thành phố Hải Phòng;*
- *Lưu: Hồ sơ, văn phòng.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung